TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng; Ông Chau Rot Tha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 103/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã C, tỉnh An Giang (có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T và bà T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) ngày 17 tháng 02 năm 2014. Sau khi kết hôn thì ông T và bà T1 chung sống bên nhà của bà T1 tại tổ I, ấp T, xã C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng kéo dài không bao lâu xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm khoảng tháng 08 năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, hiện

nay cả hai đều đi làm thuê kiếm sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1. Về con chung: Cả hai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 09/11/2020, hiện đang sống cùng bà T1. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T1, giao 02 con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con của ông Nguyễn Văn T 2.500.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các con chung trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có đăng ký thường trú tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) vào ngày 17 tháng 02 năm 2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống, theo nguyên đơn thì cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc, thường xảy ra cải vã, cả hai không còn chung sống cùng nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T1, mặc dù bà T1 biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình qua tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, điều đó thể hiện ý chí bà T1 bỏ mặc quan hệ hôn nhân, không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Như vậy, việc ông T khởi kiện ly hôn cho rằng cả hai không còn tình cảm vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ, ông T khởi kiện được ly hôn với bà T1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quan hệ con chung, ông Nguyễn Văn T khai khi sống chung, cả hai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 09/11/2020, hiện nay đều do bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T đồng ý giao hai con chung cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, theo lời trình bày của nguyên đơn thì hiện nay cả ông T và bà T1 đều đi làm thuê, hoàn cảnh rất khó khăn, thu nhập bấp bênh không ổn định. Riêng ông T làm bảo vệ cho quán cà phê, thu nhập thấp, khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, không đủ trang trải cuộc sống. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: *"Trường hợp người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng thì Tòa án giải thích cho họ việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc họ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện thì Tòa án không buộc bên kia phải cấp dưỡng cho con."*.Trong vụ án này, do bà T1 vắng mặt nên Tòa án không thể giải thích cho bà T1 về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của bà T1 về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Thị Ngọc Q và Nguyễn Thanh P là 2.500.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện kinh tế, thu nhập thực tế của nguyên đơn, đồng thời cũng hỗ trợ cho bà T1 một phần góp sức chăm sóc, nuôi dưỡng các con, cho các con chung ổn định cuộc sống sau này.

Về tài sản chung, nợ chung, ông Nguyễn Văn T khai không có nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Điều 51, Điều 55 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Văn T được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

[2] Về con chung, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 09/11/2020.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng số tiền 2.500.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con chung Nguyễn Thị Ngọc Q và Nguyễn Thanh P đều trưởng thành, có khả năng lao động.

[4] Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0010804 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không phải chịu án phí.

[6] Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Cô Tô;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ngọc Hà